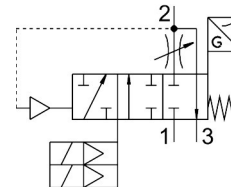


Van tăng áp và van thông khí MS6-SV-1/2-E-10V24-SO-AG-MP1

Số bộ phận: 8190258

FESTO



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Dòng	MS
Kích thước	6
Kích thước lưới	62 mm
Chức năng an toàn	Thông gió Ngăn chặn khởi động không mong muốn (thông khí)
Safety Integrity Level (SIL)	Thông gió / SIL 3 Ngăn chặn khởi động không mong muốn (áp lực) / SIL 3
Mức hiệu suất (PL)	Thoát khí / đến hạng mục 4, Mức hiệu suất e Ngăn chặn khởi động không mong muốn (áp lực) / lên đến loại 4, Mức hiệu suất e
Lưu ý về lấy mẫu động bắt buộc	Tần suất chuyển mạch ít nhất 1/tháng
Cấu trúc xây dựng	Đế pít tông
Xếp chồng	gối chống âm
Kiểu vận hành	điện
kiểm soát cung cấp không khí	trong
Nguyên lý bít	mềm
Chức năng khí xả	không thể điều tiết
Nguyên tắc phát hiện vị trí	Nguyên lý piston từ tính
Tuân theo tiêu chuẩn	DIN EN ISO 13849-1
Nút ghi đè	không
Kiểu cài đặt lại	lò xo cơ học
Kiểu điều khiển	điều khiển trước
Chức năng van	3/2 đóng đơn ổn định chức năng tăng áp suất
Áp suất vận hành	0.35 MPA...1 MPA 3.5 bar...10 bar
Bộ hiển thị áp suất	với áp kế
Giá trị C	19.3 l/s*bar
giá trị b	0.21
Lưu lượng danh nghĩa bình thường (chuẩn hóa theo DIN 1343)	4300 l/ph
Lưu lượng bình thường thoát khí 0,6->0 MPa (6->0 bar, 87->0 psi)	9000 l/ph
Tần số chuyển mạch tối đa	0.5 Hz

Đặc tính	Giá trị
Thời gian chuyển mạch tắt	40 ms
Thời gian chuyển mạch bật	130 ms
Thời gian bật	100%
Hiển thị trạng thái tín hiệu	Đèn LED tiếp điểm không điện thế
Điện áp hoạt động danh định DC	24 V
Dao động điện áp cho phép	+/- 10 %
Môi chất vận hành	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]
Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển	Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo)
Lớp chống ăn mòn KBK	2 - bị ăn mòn vừa phải
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B1/B2-L
Mức áp suất âm thanh	75 dB(A)
Mức độ bảo vệ	IP65 có ổ cắm
Nhiệt độ trung bình	-10 °C...50 °C
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-10 °C...50 °C
Nhiệt độ bảo quản	-10 °C...50 °C
chống sốc	Kiểm tra va đập với mức độ nghiêm trọng 2 theo FN 942017-5 và EN 60068-2-27
Khả năng chống rung	Kiểm tra bộ gá vận chuyển với mức độ nghiêm trọng 2 theo FN 942017-4 và EN 60068-2-6
Giấy phép	Dấu RCM
Dấu hiệu KC	KC-EMV
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo chỉ thị EMC của EU theo Chỉ thị máy móc của EU theo chỉ thị RoHS của EU
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo quy định UK cho EMV theo quy định của Vương quốc Anh đối với máy móc theo các quy định UK RoHS
Cơ quan cấp chứng chỉ	IFA 1001180 Intertek UK-MCR-0086
Kiểu gắn	Lắp đặt đường dây với phụ kiện tùy ý:
Vị trí lắp đặt	bất kỳ
trọng lượng sản phẩm	2210 g
Cổng nối khí nén 1	G1/2
Cổng nối khí nén 2	G1/2
Cổng nối khí nén 3	G1
Cổng nối điện	9 chân Sub-D
Vật liệu vỏ	Nhôm đúc áp lực
Vật liệu của phốt	NBR
Vật liệu thanh piston	thép không gỉ hợp kim cao